

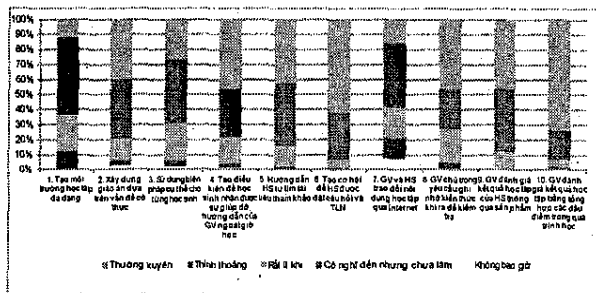
THỰC TRẠNG VỀ DẠY HỌC DỰ ÁN HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC SINH HỌC Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ThS. HÀ THỊ THÚY

1. Hiện nay phương pháp dạy học (PPDH) tập trung vào nội dung đang dần chuyển sang PPDH hướng vào năng lực. Rất nhiều PPDH hiện đại được triển khai ở trường phổ thông đang dần phát huy hiệu quả trong đó có PPDH dự án (DA). Để tìm hiểu thực trạng về dạy học dự án (DHDA) và định hướng của DHDA với sự phát triển năng lực tự học của học sinh (HS), chúng tôi đã thiết kế 1 phiếu hỏi với nội dung làm sáng tỏ những vấn đề của DHDA và mối quan hệ giữa phương pháp này và năng lực tự học của HS, sau đó điều tra ngẫu nhiên (10-12/2013) ở 42 trường phổ thông ở khu vực phía bắc, với 166 phiếu hỏi và phỏng vấn sâu một số giáo viên (GV) những câu hỏi có liên quan. Nội dung trả lời trong phiếu hỏi được phân tích trong phần mềm SPSS 17.0 kết hợp với sự phiên giải nội dung trả lời từ những câu hỏi phỏng vấn. Kết quả phân tích thu được như sau:

2. Thực trạng về DHDA

1) Xác định tần suất áp dụng các hoạt động học tập trong giảng dạy

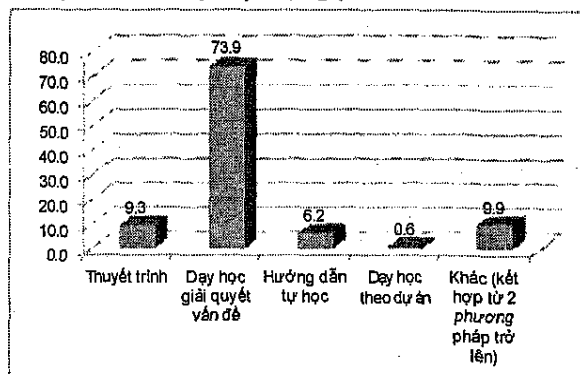


Biểu đồ trên cho thấy, hoạt động DH được áp dụng thường xuyên nhất là: tạo cơ hội để HS được đặt câu hỏi và thảo luận nhóm, đánh giá kết quả học tập bằng việc tổng hợp các dấu hiệu trong quá trình học hoặc thông qua sản phẩm, tạo điều kiện để HS nhận được sự giúp đỡ hướng dẫn của GV ngoài giờ lên lớp, và chú trọng yêu cầu ghi nhớ kiến thức khi ra đề kiểm tra.

Tuy nhiên, các hoạt động DH khác có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy tính tích

cực và khả năng tự học của HS lại không được GV áp dụng thường xuyên. Ví dụ như: tạo môi trường học tập đa dạng, sử dụng biện pháp cụ thể cho từng HS, xây dựng giáo án dựa trên vấn đề có thực và hướng dẫn HS tự tìm tài liệu tham khảo. Đặc biệt, có 20% GV thậm chí chưa bao giờ trao đổi nội dung học qua Internet với HS, có thể là do thiếu thốn về cơ sở vật chất.

2) PPDH được áp dụng phổ biến

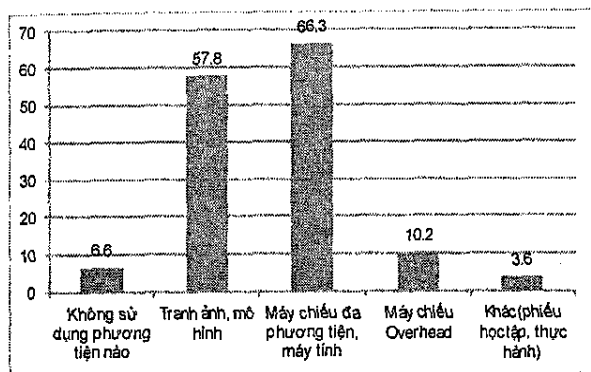


PPDH được áp dụng phổ biến nhất là DH giải quyết vấn đề và phương pháp ít được áp dụng nhất là DH theo DA. Tuy nhiên, khi khảo sát về các hoạt động DH mà GV áp dụng, chúng tôi nhận thấy gần 30% GV áp dụng các hoạt động chính của PPDH DA. Sự mâu thuẫn này là do quan điểm về khái niệm "DHDA" khác nhau giữa các GV. Ví dụ, có một số GV có hiểu biết chưa đúng và cho rằng mục đích chính của PPDH DA là "để biết được HS chưa biết, chưa hiểu để tập trung giảng dạy vào nội dung đó", hay là phương pháp để "giảng dạy một chuyên đề mới" hoặc "xây dựng mục tiêu môn học".

3) Phương tiện được sử dụng phổ biến trong DH môn Sinh học (SH)

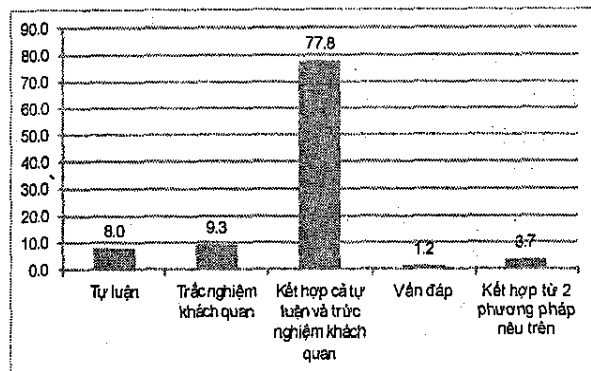
Kết quả nghiên cứu cho thấy, có tới 2/3 GV thường xuyên sử dụng máy chiếu đa phương tiện và máy tính

* Trường THPT Ngô Quyền, Ba Vì - Hà Nội



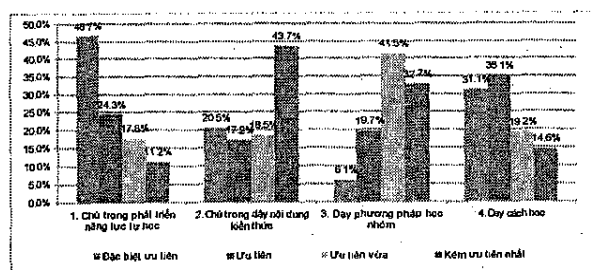
trong DH môn SH. Đây là điều kiện thuận lợi để áp dụng các hoạt động DHDA nếu được triển khai. Tuy nhiên, có đến 6,6% GV không sử dụng phương tiện nào trong quá trình DH mặc dù nhà trường có các trang thiết bị để hỗ trợ việc DH.

4) Loại hình kiểm tra môn SH phổ biến (4 GV không lựa chọn phương pháp nào)



Loại hình kiểm tra môn SH được GV áp dụng nhiều nhất là kết hợp cả tự luận và trắc nghiệm khách quan (77,8%). Vấn đáp ít được sử dụng để đánh giá HS. GV chỉ tập trung đánh giá kiến thức của HS tại một thời điểm nhất định chứ không chú trọng đến việc đánh giá quá trình.

5) Mức độ ưu tiên của các giải pháp nâng cao hiệu quả giờ dạy môn SH

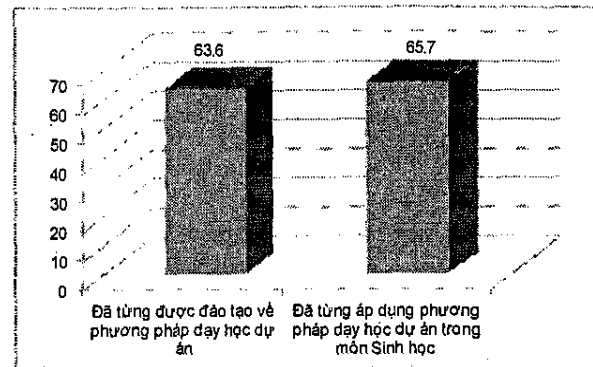


GV tham gia nghiên cứu cho rằng biện pháp cần được ưu tiên là chú trọng phát triển năng lực tự học của HS và chú trọng việc dạy HS cách học. Biện pháp dạy nội dung kiến thức và dạy phương pháp học nhóm

là 2 biện pháp kém ưu tiên hơn. Tuy nhiên, khi được hỏi “dạy như thế nào để phát triển được năng lực tự học cho HS” thì phần lớn GV lúng túng và chưa đưa ra được câu trả lời rõ ràng.

6) Thực trạng đào tạo GV về PPDH DA

Một trong những kết quả đáng ghi nhận là có tới 2/3 (63,6%) số GV được hỏi nói rằng đã từng được



đào tạo về PPDH DA và đã từng áp dụng phương pháp này trong môn SH. Tuy nhiên, khi tìm hiểu về mối tương quan giữa hình thức tổ chức DH và PPDH DA, chúng tôi nhận thấy có 54 GV cho biết là đã áp dụng PPDH DA. Trong số này có tới 79,4% (38 GV) trên thực tế không áp dụng đủ cả 8 hình thức tổ chức DHDA. Điều đó gợi ý rằng các GV này chưa hiểu rõ bản chất và cách tổ chức các hoạt động trong DHDA.

Bên cạnh đó, mặc dù có tới 110 GV nói rằng chưa bao giờ áp dụng PPDH DA, nhưng trong số đó có tới 23,6% (26 GV) trên thực tế đã áp dụng đủ cả 8 hình thức tổ chức DHDA, có thể do số GV này không tự tin hay thậm chí không biết các hoạt động trong DHDA cụ thể là gì, nhưng họ vẫn triển khai được cho HS của mình.

Khi được hỏi về việc có nên áp dụng PPDH DA vào môn SH không, mặc dù có 51,5% GV đồng ý, nhưng cũng có tới 42,4% GV không biết có nên không. Khi trao đổi với những GV có sự phân vân này, được biết họ không rõ phương pháp này là gì, một số GV khác nêu ý kiến họ đã từng thất bại khi áp dụng phương pháp này. Điều đó cho thấy, GV chưa thực sự thấy được hiệu quả của PPDH DA trong công việc hàng ngày, hoặc PPDH DA chưa thuận tiện để triển khai trong trường học như: - Thiếu đồ dùng DH, cơ sở của phòng thí nghiệm còn nhiều hạn chế; - Cán bộ quản lý giáo dục và GV chủ nhiệm chưa ủng hộ và tạo điều kiện, cho rằng PPDH DA quá tốn thời gian và chưa tập trung vào nhu cầu thi đại học của HS, môn SH chỉ

được coi là môn phụ; - Số HS mỗi lớp đông chưa đủ điều kiện áp dụng DHDA; - Phân bổ số tiết theo phân phối chương trình còn ít, đặc biệt là thiếu thời gian thực hành; - Không có kinh phí để thực hiện.

7) Mối tương quan giữa thực hành DHDA và việc đào tạo GV về PPDH DA

		Thực hành DHDA		Tổng	
		Không	Có		
Đã từng được đào tạo PPDH DA	Chưa	n	80	25	105
		%	76,2%	23,8%	100,0%
	Rồi	n	42	18	60
		%	70,0%	30,0%	100,0%
Tổng		n	122	43	165
		%	73,9%	26,1%	100,0%

($Chi^2 = 0.759, p > 0.05$)

Trong số 60 GV đã từng được đào tạo PPDH DA, chỉ có 30% áp dụng phương pháp này trong quá trình giảng dạy. Trong khi đó, có tới 23,8% GV chưa bao giờ được học về PPDH DA nhưng vẫn áp dụng trong hoạt động giảng dạy của mình. Mặc dù vậy, sự khác biệt này là không có ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, kết quả này gợi ý rằng việc đào tạo về PPDH DA là chưa đủ để giúp cho GV áp dụng. Việc áp dụng còn phụ thuộc vào tâm huyết và sự sẵn sàng áp dụng phương pháp mới trong DH. Mặt khác, phần lớn GV khi được hỏi họ không biết chắc chắn PPDH DA có làm tăng năng lực tự học của HS không.

3. Từ thực trạng về DHDA hướng tới phát triển năng lực tự học của HS trong DSH ở các trường THPT, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1) Mặc dù chưa có nhiều GV được đào tạo về PPDH DA nhưng có tới 2/3 đã áp dụng phương pháp này trong DH môn SH. Trong đó, hoạt động được áp dụng thường xuyên nhất là: tạo cơ hội để HS được đặt câu hỏi và thảo luận nhóm, đánh giá kết quả học tập bằng việc tổng hợp các dấu hiệu trong quá trình học hoặc thông qua sản phẩm và tạo điều kiện để HS nhận được sự giúp đỡ hướng dẫn của GV ngoài giờ lên lớp. Tuy nhiên, một số hoạt động khác chưa được quan tâm đúng mức như: tạo môi trường học tập đa dạng, sử dụng biện pháp cụ thể cho từng HS, xây dựng giáo án dựa trên vấn đề có thực, hướng dẫn HS tự tìm tài liệu tham khảo và đặc biệt là qua Internet.

2) Nhiều GV đã sử dụng công nghệ ICT trong DH môn SH và đây là điều kiện thuận lợi để áp dụng

DHDA nếu được triển khai. Tuy nhiên, vẫn có tới 6,6% GV không sử dụng phương tiện nào trong quá trình DH.

3) Loại hình kiểm tra môn SH được GV áp dụng nhiều nhất là kết hợp cả tự luận và trắc nghiệm khách quan (77,8%). Tuy nhiên, cần lồng ghép với các phương pháp khác như quan sát, vấn đáp để đánh giá quá trình học tập của HS chính xác hơn.

4) Phát triển năng lực tự học của HS được GV ưu tiên để nâng cao chất lượng DH. Đây là nhận thức tích cực của GV. Tuy nhiên, việc thực hiện như thế nào và đến đâu để giúp HS phát triển năng lực tự học vẫn còn là dấu hỏi. Trong phần nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ áp dụng PPDH DA để tìm hiểu ảnh hưởng của phương pháp này lên việc phát triển năng lực tự học của HS.

5) Mặc dù số GV đã áp dụng PPDH DA là tương đối nhiều, nhưng trong số đó chỉ có 52,3% cho rằng nên áp dụng phương pháp này.

6) Kết quả tìm hiểu các mối tương quan trong quá trình khảo sát thực tế cho thấy, DHDA dường như được áp dụng một cách ngẫu nhiên, phụ thuộc vào nhiệt huyết của mỗi GV hơn là dựa vào kinh nghiệm và trình độ của họ, đặc biệt trong bối cảnh chưa có môi trường và chính sách hỗ trợ phù hợp. □

Tài liệu tham khảo

1. Ann Lambros. *Problem based learning in Middle and High School*, 2004. Classroom. Corwin Press a Sage Publication Company, Thousand Oaks, California.
2. Dự án Việt - Bỉ. **Dạy và học tích cực một số phương pháp và kĩ thuật dạy học**. NXB Đại học sư phạm, H. 2010.
3. Thomas, J. W., Mergendoller, J. R., and Michaelson, A. (1999). *Project-based learning: A handbook for middle and high school teachers*. Novato, CA: The Buck Institute for Education.

SUMMARY

Posts authors focused questionnaire designed to clarify the content of teaching issues and projects the relationship between this method and self-learning capability of students. Development of self-learning capacity of students to teachers is a priority to improve the quality of teaching. In the next study, we will apply project-based learning to learn the impact of this approach to the development of self-learning capacity of students.